

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/04/2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy và bà Nguyễn Võ Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Duy Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/04/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm: 1999. (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành L tiến đến hôn nhân là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T vào ngày 22/03/2024 nhưng không có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán do trước đó ông L đã có vợ nhưng đã ly hôn nên gia đình ông L không đồng ý. Quá trình chung sống hai vợ chồng chưa có chung nhưng hiện tại bà đang mang thai khoảng 08 tháng. Sau khi đăng ký kết hôn thì ông L về nhà bà ở thôn C, xã T sinh sống, không có khai báo gì với chính quyền địa phương, thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do ông L không lo làm ăn mà chỉ ham chơi nên gây nợ nần dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ hơn 06 tháng nay vợ chồng không còn sống chung mà mạnh ai người đó sống, ông L bỏ về địa phương sinh sống rồi đi đâu bà cũng không rõ. Do cuộc sống hôn nhân

giữa vợ chồng đã không còn tồn tại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thành L.
- Về con chung: Chưa có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đến nên không có lời trình bày gì.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- [1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành L. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- [2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Mộng T và ông Nguyễn Thành L xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông L – bà T sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn 06 tháng gần đây vợ chồng không còn chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa là vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo xác nhận của Trưởng thôn Cà Đú thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T – ông L như lời bà T trình bày là đúng, đồng thời Tòa án đã nhiều lần liên lạc với ông L nhưng ông L không quan tâm chứng tỏ ông L không muốn hàng gấn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông L – bà T đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, mặc dù bà T trình bày đang mang thai con của ông L nhưng do chưa được sinh ra nên Hội đồng xét xử không thể xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi bà T sinh con, nếu có tranh chấp gì liên quan đến con chung và cấp dưỡng thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mộng T được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mộng T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005691 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Bà T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Thành Hải (Số: 23/2024);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Bảo Châu

